

HỢP TÁC ĐÔNG Á: NHỮNG THÀNH TỰU SAU THÀNH LẬP

NGUYỄN THU MỸ*

Tháng 12 năm nay, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đầu tiên sẽ được tổ chức tại Cuala Lumpua theo sáng kiến của ASEAN. Hội nghị sẽ thu hút sự tham gia của các nhà lãnh đạo 16 nước châu Á, bao gồm 10 nước ASEAN, 3 nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) Ấn Độ, Ôttrâylia và Niu Dilân. Một cơ chế hợp tác khu vực mới với quy mô lớn hơn các cơ chế hợp tác khu vực đang tồn tại ở Đông Á (ASEAN, ASEAN+3) sẽ được thiết lập.

Việc triệu tập Hội nghị thượng đỉnh Đông Á đã khẳng định những thành tựu mà tiến trình Hợp tác Đông Á thu được kể từ khi thành lập tới nay. Những thành tựu đó đang tạo đà cho sự phát triển của Hợp tác Đông Á trong những năm sắp tới. Vậy trong những năm qua, Hợp tác Đông Á đã đạt được những thành tựu gì? Bài viết này sẽ đề cập tới vấn đề trên.

1. Các thành tựu của hợp tác trong những năm qua

Như chúng ta đã biết ở giai đoạn hiện nay, Hợp tác Đông Á đang được triển khai thông qua cơ chế ASEAN+3 và cơ chế ASEAN+1. Trong những năm qua, tiến trình hợp tác này đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ. Những thành tựu đó là:

1.1. Xây dựng được Tâm nhìn Đông Á hướng dẫn sự phát triển của tiến trình hợp tác Đông Á

Tâm nhìn Đông Á do Nhóm Tâm nhìn Đông Á (EAVG) được thành lập vào năm 1999 theo sáng kiến của Tổng thống Hàn quốc Kim Dae Yung, đề ra trong báo cáo trình cho Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 họp ở Xingapo vào tháng 11-2000. Theo tầm nhìn này, Đông Á sẽ trở thành một Cộng đồng hoà bình, thịnh vượng và tiến bộ và đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình ổn định và phát triển trên thế giới.

Để hiện thực hoá tầm nhìn đó, Nhóm nghiên cứu Đông Á (EASG) đã tiến hành đánh giá và phân tích 57 biện pháp cụ thể do Nhóm Tâm nhìn Đông Á (EAVG) đề xuất và lựa chọn ra những biện pháp

* PGS. TS. Nguyễn Thu Mỹ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

cụ thể và có tính khả thi cao. Trong Báo cáo cuối cùng trình cho Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 tổ chức ở Pnông pênh, EASG đã đề xuất 26 biện pháp cụ thể trong đó có 17 biện pháp có thể thực hiện ngay và 9 biện pháp ở tầm trung, dài hạn hoặc cần phải nghiên cứu thêm.

Cùng với việc đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hợp tác Đông Á trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, Nhóm Nghiên cứu Đông Á còn đặc biệt việc coi trọng việc xây dựng ý thức khu vực và bản sắc Đông Á. Do tầm quan trọng của ý thức và bản sắc Đông Á đối với hợp tác khu vực, EASG khẳng định: “Việc xây dựng một ý thức mạnh mẽ về bản sắc khu vực và một ý thức về Đông Á là một mục tiêu cần tìm kiếm”. Nhằm đạt tới mục tiêu này, EASG cho rằng các viện văn hoá và giáo dục sẽ là những chủ thể chính trong việc thúc đẩy ý thức về bản sắc thông qua giáo dục, quảng bá và nghiên cứu. Các cơ quan này sẽ cung cấp cho dân chúng trong khu vực thông tin và kiến thức về nền tảng lịch sử của khu vực và cả những mặt tương đồng và khác biệt về văn hoá. Cũng chính những cơ quan đó sẽ cung cấp các phương cách và biện pháp cho nhân dân tăng cường bản sắc của họ. Ngoài ra, để xây dựng bản sắc khu vực, theo cách nhìn của EASG, cần thúc đẩy việc nghiên cứu về Đông Á. Bởi vì, các kết quả nghiên cứu về Đông Á sẽ “cung cấp cho nhân dân các nước Đông Á tri thức để hiểu biết về nét chung của các trải nghiệm lịch sử, chuẩn mực và giá trị văn hoá của Đông Á” và “sẽ làm cho họ thấy sự cần thiết tạo thuận lợi cho hội nhập khu vực”⁽¹⁾.

Ngoài 17 biện pháp khả thi và cần dành ưu tiên cao kể trên, EASG còn khuyến nghị 9 biện pháp cụ thể ở tầm trung và dài hạn. Một trong những biện pháp đáng chú ý trong số 9 biện pháp trên là thành lập Khu mậu dịch tự do Đông Á. Theo EASG, đây là một biện pháp dài hạn và cần được ưu tiên cao. Bởi vì, “FTAs đang ngày càng được thừa nhận là một biện pháp để mở rộng các cơ hội mậu dịch và đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững và là chất xúc tác cho các hình thức hợp tác khác giữa các nước trong khu vực”⁽²⁾.

Trong lĩnh vực chính trị, biện pháp quan trọng được EASG khuyến nghị và xem là một mục tiêu ở tầm dài hạn với ưu tiên cao là theo đuổi sự tiến triển của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 thành Hội nghị thượng đỉnh Đông Á.

Những khuyến nghị trên của EASG đã được Hội nghị thượng đỉnh ASEAN + 3 họp ở Pnôm pênh thông qua. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN+3 tổ chức tại Viên chơn tháng 11/2004, các nhà lãnh đạo Đông Á đã bày tỏ “sự hài lòng về sự tiến bộ vững chắc trong hợp tác ASEAN + 3 và khuyến khích việc thực hiện nhanh các biện pháp ngắn và dài hạn của Nhóm nghiên cứu Đông Á được thông qua vào năm 2002, nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác ASEAN+3”⁽³⁾.

1.2. Tạo lập được một cơ cấu thể chế để triển khai Hợp tác Đông Á

Để triển khai hợp tác, các nước Đông Á đã xây dựng được một cơ cấu tổ chức, mặc dù còn rất đơn giản. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 là cơ quan quyền lực cao nhất, họp cùng thời gian với Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN. Kết

quả của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 được công bố dưới hình thức Tuyên bố báo chí của Chủ tịch. Hội nghị Bộ trưởng ASEAN+3 cũng được tiến hành trong thời gian Hội nghị Bộ trưởng ASEAN.

Việc thể chế hoá tiến trình ASEAN+3 đã có bước tiến mới với quyết định của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN+3 lần thứ 10 họp tháng 7-2000. Theo quyết định này, hợp tác kinh tế do Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN+3 (EAM +3) tiến hành; hợp tác tài chính, tiền tệ do Hội nghị Bộ trưởng tài chính ASEAN+3 phụ trách, hợp tác về chính trị, an ninh và các lĩnh vực khác do Bộ Ngoại giao. Kết quả của tất cả các Hội nghị trên phải báo cáo lên Hội nghị cấp cao. Từ sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN+3 họp ở Banda Seri Begawan tháng 7-2002, Hội nghị các Tổng Vụ trưởng ASEAN+3 được coi là “cơ chế phối hợp để đảm bảo sự gắn kết, hiệu quả và tiến bộ của Tiến trình ASEAN+3”⁽⁴⁾. Cho tới nay, ASEAN+3 chưa lập Ban Thư ký.

Bên cạnh khuôn khổ ASEAN+3, Hợp tác Đông Á còn được triển khai thông qua các cơ chế hợp tác ASEAN+1. Các cơ chế hợp tác này có chức năng và nhiệm vụ khác nhau trong hợp tác Đông Á, nhưng lại quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau. Trong khi ASEAN+3 cung cấp một khuôn khổ hợp tác và là nơi đề xuất các sáng kiến hợp tác khu vực ở Đông Á, thì ASEAN+1 chính là các công cụ để thực hiện các sáng kiến hợp tác đó. Đây có thể xem là nét đặc thù về phương diện thể chế của Hợp tác Đông Á.

Đặc điểm về thể chế trên trong Hợp tác Đông Á vừa có vai trò tích cực và

tiêu cực đối với tiến trình hợp tác khu vực ở vùng này. Điểm tích cực là ở chỗ nó tạo nên sự linh hoạt và năng động trong quá trình triển khai Hợp tác Đông Á, một khu vực bao gồm những quốc gia khác biệt nhau về tầm cỡ lãnh thổ, quy mô dân số, lịch sử, văn hoá, chế độ chính trị, trình độ phát triển và còn tồn tại nhiều nghi kỵ nảy sinh từ các vấn đề do lịch sử để lại. Một trong những ví dụ về vai trò tích cực của các thể chế hợp tác Đông Á là các hoạt động nhằm tiến tới xây dựng một Khu mậu dịch tự do Đông Á hiện nay.

Như vậy, rõ ràng là thể chế kép trong Hợp tác Đông Á đang giúp khu vực này rút ngắn tiến trình hội nhập khu vực và cho phép các đối tác thành viên của nó có thể tiến tới các mục tiêu hội nhập kinh tế khu vực với tốc độ khác nhau, dựa trên những tiềm năng sẵn có và nhu cầu về mức độ hợp tác của họ.

Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực trên, cơ chế thể chế kép của Hợp tác Đông Á đã và sẽ gây nên những tác động tiêu cực. Khi hợp tác ASEAN+3 chỉ được xem là khuôn khổ hợp tác, còn hợp tác thực chất lại được triển khai thông qua các cơ chế ASEAN+1, sẽ khó tránh khỏi khả năng là các đối tác Đông Bắc Á chỉ quan tâm tới việc thúc đẩy hợp tác giữa họ với các nước ASEAN và không mấy quan tâm tới hợp tác ASEAN+3.

Tác động tiêu cực thứ hai của cơ chế hợp tác này là nó tạo điều kiện cho sự cạnh tranh giành quyền lãnh đạo trong tiến trình hợp tác khu vực giữa Trung Quốc và Nhật Bản.

Như vậy, có thể nói thể chế kép của Hợp tác Đông Á có thể sẽ gây khó khăn

cho quá trình hội nhập khu vực ở vùng này trong tương lai. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu của Hợp tác Đông Á, cơ chế trên là phù hợp và do vậy, đã phát huy được tính tích cực của nó trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực ở vùng này.

1.3. Các kết quả Hợp tác Đông Á đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển của các nước thành viên và nâng cao vị thế của Đông Á trên trường quốc tế

Hợp tác Đông Á đã được xúc tiến trên mọi lĩnh vực và đã bước đầu thu được các kết quả tốt đẹp.

Trong lĩnh vực chính trị, các hội nghị thượng đỉnh thường niên đã giúp các nhà lãnh đạo 13 nước Đông Á có cơ hội tiếp xúc thường xuyên và trao đổi quan điểm về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Những cuộc gặp như vậy đã giúp họ hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn. Trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau này, các nhà lãnh đạo Đông Á đã có thể tiến tới những lập trường chung về nhiều vấn đề khu vực và quốc tế, mặc dù họ đại diện cho các quyền lợi quốc gia khác nhau. Một trong những ví dụ như vậy là lập trường của Đông Á về chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Những kết quả của hợp tác chính trị trong khuôn khổ ASEAN+3 không chỉ có vậy. Sự nhất trí trong các vấn đề khu vực và quốc tế đã giúp tăng thêm trọng lượng cho tiếng nói của Đông Á tại các diễn đàn khu vực và quốc tế. Thật vậy, nếu ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc không có lập trường chung trong vấn đề mở rộng ASEM, thì có lẽ Mianma đã không thể được kết nạp vào ASEM tại Hội nghị thượng đỉnh Á-Âu tổ chức tại Hà Nội tháng 10 năm 2004 vừa qua.

Trong lĩnh vực kinh tế, thành tựu nổi bật nhất của Hợp tác Đông Á là đề xuất và triển khai Sáng kiến Chiang Mai. Sáng kiến này có mục đích giúp các nước Đông Á, nhất là các nước ASEAN, đối phó hiệu quả hơn với một cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong tương lai.

Thực hiện sáng kiến trên, cho tới Hội nghị Bộ trưởng tài chính ASEAN +3 họp tháng 5-2004, đã có 16 hiệp định hoán đổi song phương (BSA) được ký kết giữa các nước Đông Á với tổng số tiền lên tới 35,6 tỷ đô la Mỹ. Đó là các thoả thuận giữa Nhật Bản và Hàn Quốc, Thái Lan-Nhật, Nhật-Philippin, Nhật-Malaixia, Trung Quốc-Thái Lan, Trung Quốc-Nhật, Indônêxia-Nhật, Nhật-Xingapo, Trung Quốc- Malaixia, Trung Quốc-Philippin ...

Bên cạnh việc ký kết các BSA, các nước ASEAN+3 còn tiến hành nhiều dự án hợp tác cụ thể khác. Chẳng hạn, để giám sát dòng vốn đầu tư vào khu vực, 7 nước Đông Á, bao gồm Brunây, Indônêxia, Nhật, Hàn Quốc, Philippin, Thái Lan và Việt Nam đã thoả thuận trao đổi song phương các số liệu về đầu tư ngắn hạn.

Việc triển khai xây dựng các khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN, Nhật Bản với một số nước ASEAN đã đưa lại các kết quả bước đầu và giúp tăng thêm nguồn lực cho sự phát triển của các nước Đông Á. Theo Báo cáo của Hội nghị thương mại và phát triển của Liên hợp quốc, toàn bộ vốn đầu tư của Trung quốc ở ASEAN đã tăng từ 400 triệu đô la lên 2,9 tỷ vào năm 2002. Vốn đầu tư của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào các nguồn tài nguyên như dầu khí ở Úc, Indônêxia và Thái Lan⁽⁶⁾.

Hợp tác kinh tế thông qua các tiến trình ASEAN+3 và ASEAN+1 đã góp phần đã thúc đẩy quá trình liên kết giữa các nền kinh tế Đông Á. Buôn bán nội khối trong khu vực không ngừng tăng lên. Trong giai đoạn từ 1985 tới 2001, buôn bán giữa các nước Đông Á với nhau đã tăng 35 %. Cũng trong thời gian trên, các nước Đông Á đã chuyển 11 % buôn bán với thế giới về buôn bán trong khu vực. 80 % buôn bán trong khu vực diễn ra giữa Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaixia và Xingapo. Quý 1-2005, ASEAN đã trở thành đối tác buôn bán lớn thứ tư của Trung Quốc⁽⁶⁾.

Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế Đông Á đã làm cho khu vực này trở thành một trong ba trung tâm kinh tế lớn nhất trên thế giới hiện nay. Nếu các nền kinh tế Đông Á được kết nối với nhau thông qua một hiệp định tự do hoá thương mại như đề nghị của EAVG và EASG thì sức mạnh kinh tế của khu vực này sẽ còn tăng lên gấp bội. Các nước Đông Á sẽ có tiếng nói lớn hơn, được nể trọng hơn trong các diễn đàn kinh tế khu vực và quốc tế.

Một vài nhận xét

Nhìn lại Hợp tác Đông Á từ khi ra đời tới nay, có thể rút ra mấy nhận xét sau:

Thứ nhất, tiến trình này đã phát triển rất nhanh, nếu so sánh với ASEM, một tiến trình hợp tác liên khu vực được thành lập trước đó một năm. Cũng như ASEM, ASEAN+3 là một tiến trình hợp tác toàn diện giữa ASEAN và 3 nước Đông Bắc Á. Tuy nhiên, trong ASEAN+3 hợp tác chính

trị và hợp tác kinh tế, đặc biệt là hợp tác tài chính và mậu dịch phát triển mạnh hơn.

Thứ hai, Hợp tác Đông Á thông qua các tiến trình ASEAN +3 cho thấy các nhân tố như địa - chính trị, địa- kinh tế, địa- văn hoá vẫn là các động lực quan trọng thúc đẩy sự hợp tác khu vực, ngay cả trong bối cảnh toàn cầu hoá. Những lợi ích chung cùng chia sẻ là một động lực rất quan trọng trong bất kỳ tiến trình hợp tác khu vực nào. Nhưng do tính chất dễ thay đổi của nó (theo thời gian và hoàn cảnh), các quan hệ hợp tác chỉ đơn thuần chỉ dựa trên lợi ích chung khó có thể phát triển nhanh và bền chặt. ASEM và hợp tác Đông Á là những ví dụ về điều đó.

CHÚ THÍCH

1. Final report of the East Asian Study Group ASEAN+3 Summit.Pnompenh, Cambodia, November 2002. P.54.
2. Final report. Ibid .P.37.
3. Chairman's Statement of the 8th ASEAN+3 Summit, Vientiane, 29 November 2004. Tài liệu khai thác qua www.aseansec.org.
4. Chairman's Statement of the 3rd ASEAN+3 Foreign Ministerial Meetings. Bandar Seri Begawan, 30 July, 2002. Tài liệu khai thác qua địa chỉ: <http://www.aseansec.org>.
5. Dẫn theo tạp chí Asian Affairs số 1-2005.
6. Kinh tế thế giới tham khảo ngày 19-6-2005 của Thông tấn xã Việt Nam. tr.5.